

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09/4/2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quyết Chiến và bà Hà Thị Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lành- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267A/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXX- ST ngày 02 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1991 (vắng mặt)

SQ: Thôn M, xã Q, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

TQ: Thôn A, xã P, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị P có tổ chức kết hôn vào tháng 12 năm 2011. Trước khi kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang ngày 09/12/2011. Sau khi kết hôn chị P về chung sống cùng anh và gia đình ngay.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị P ham chơi, nhiều lần tự ý bỏ nhà đi, sống không có trách nhiệm với gia đình. Chị P nhiều lần mang tài sản của gia đình đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân, đi làm còn có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Anh và gia đình hai bên đã khuyên răn nhiều lần nhưng chị P không thay đổi.

Ngày 20/9/2020 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gay gắt, vợ chồng cãi nhau chị P đã tự ý mang con gái út Nguyễn Thị Kim A bỏ nhà đi. Từ đó đến nay không quay về chung sống của anh nữa. Anh gọi điện nhiều lần bảo chị P mang con về nhưng chị P không về, anh cũng xuống nhà bố mẹ để chị P tìm nhưng chị P không mang con về đó ở. Việc chị P bỏ nhà, bỏ chồng con đi như vậy không phải lần đầu mà đã nhiều lần. Mỗi khi vợ chồng cãi nhau là chị P mang theo 1 con nhỏ bỏ nhà đi vài tháng không về, không liên lạc, không quan tâm đến gia đình và các con ở nhà. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị P không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung là Nguyễn Văn Th, sinh ngày 09/09/2012, Nguyễn Thành V, sinh ngày 14/01/2015, Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 18/5/2018. Hiện nay cháu Th và cháu V đang sống cùng anh còn cháu Kim A thì đang sống cùng chị P.

Nay ly hôn anh đề nghị giao con Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thành V cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Thị Kim A cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không đề nghị toà án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Anh T xác định vợ chồng không có gì, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không còn yêu cầu nào khác.

Phía chị Nguyễn Thị P đã được tòa án triệu tập đến trụ sở tòa án làm việc cũng như cùng chính quyền địa phương đến nơi cư trú của chị P nhưng chị P không có mặt tại nơi cư trú nên tòa án không thể tiến hành ghi lời khai của chị P được.

Tại phiên Tòa anh T giữ nguyên quan điểm đã trình bày ở trên. Chị Nguyễn Thị P vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại các điều 70 và điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quy định tại các điều 70 và điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, 150, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Văn Th và cháu Nguyễn Thành V cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị Kim A cho chị Nguyễn Thị P tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Về tài sản, vay nợ và ruộng đất: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 02/11/2020 Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng tiến hành thụ lý vụ án. Quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành gửi, giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho chị Nguyễn Thị P, yêu cầu chị P đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng chị P không đến. Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình chị P làm việc, được gia đình (bà Vũ Thị Lan mẹ chị P) xác nhận: Kể từ tháng 8/2020 (ngày chị P bỏ đi), chị P có liên lạc về gia đình và thông báo cho gia đình biết đang ở thành phố Hồ Chí Minh nhưng không cho biết địa chỉ cụ thể, xong gia đình đã thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị P biết, chị P cho biết không về để tùy anh T giải quyết. Anh T đã cung cấp địa chỉ nơi cư trú của chị P cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối Cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 192 BLTTDS năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Đây thuộc trường hợp người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, của người bị kiện thì được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú. Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú, gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 BLDS năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

Do vậy Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử khi chưa tiến hành lấy lời khai cũng như lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và làm thủ tục hòa giải giữa các đương sự là có căn cứ. Tòa án niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với chị P. Ngày 31/3/2021 Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhưng chị P vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, đồng thời niêm yết quyết định hoãn phiên tòa đối với chị P. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử theo trình tự thủ tục chung.

Do việc chị P không đến tòa làm việc nên không ghi được lời khai của chị P, tuy nhiên qua điều tra xác minh chính quyền địa phương và lời khai của gia đình chị P thì thấy:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Yên Dũng vào ngày 09/12/2011 đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị P là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Quá trình chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống cũng như trong sinh hoạt cuộc sống thường ngày, mâu thuẫn xảy ra gay gắt, vợ chồng cùng hai bên gia đình đã hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, vợ chồng chấm dứt quan hệ từ tháng 9/2020 cho đến nay không còn quan hệ gì với nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy: Thực tế vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2020, kể từ khi ly thân cho đến nay hai bên không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị P không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng cũng không thể có hạnh phúc. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với thực tế cuộc sống chung của vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, cần xử cho anh T được ly hôn với chị P là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Văn Th, sinh ngày 09/09/2012, Nguyễn Thành V, sinh ngày 14/01/2015, Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 18/5/2018. Hiện nay cháu Th và cháu V đang sinh sống cùng anh còn cháu Kim A thì đang sinh sống cùng chị P.

Hội đồng xét xử thấy thực tế anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thành V, còn chị P nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kim A. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết sáo trộn việc nuôi dưỡng các con nên giữ nguyên và giao cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thành V, chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kim A là phù hợp với nguyện vọng của anh T và phù hợp với thực tế.

[4] Về tài sản chung, vay nợ và ruộng đất: anh T xác định không có gì vướng mắc nên không đặt thành yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị P.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Văn Th, sinh ngày 09/09/2012, Nguyễn Thành V, sinh ngày 14/01/2015, giao cho chị Nguyễn Thị P tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 18/5/2018.

Cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

Tài sản, vay nợ, ruộng, đất: Không giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, (Xác nhận anh T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0004452 ngày 02/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng).

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã P, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Tân Thịnh